|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày soạn:......../........./...........**  **Ngày dạy: ......../........./...........** | **Tiết 29. ƯỚC CHUNG**  **ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT** |

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**Giúp học sinh:**

**1. Kiến thức**: HS nắm được khái niệm ước chung, ước chung lớn nhất. Hiểu được khái niệm giao và kí hiệu giao của hai tập hợp.

**2. Kĩ năng**: HS biết cách tìm ước chung của hai hay nhiều số. Rèn kĩ năng tìm ước, bội của một sô.

**3. Thái độ**: Rèn luyện HS tính cẩn thận, chính xác khi làm bài tập.

**4. Định hướng năng lực được hình thành:**

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán, tư duy logic.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**

**1. Giáo viên**: nghiên cứu chương trình SGK, tài liệu tham khảo.

**2. Học sinh**: SGK, Vở ghi, ĐDHT, nghiên cứu **§**16 SGK, ôn các các kiến thức về ước và bội của một số, phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

**III. PHƯƠNG PHÁP TRỌNG TÂM**

Phương pháp đàm thoại, đối thoại, vấn đáp, thuyết minh, Hoạt động nhóm.

**IV.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

**1. Tổ chức và ổn định lớp**

**2. Các hoạt động dạy và học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Khởi động (4’)**  **Mục tiêu:**  - HS nêu được cách tìm ước, bội của một số lớn hơn 1  - Biết cách tìm ước,bội của một số.  **Phát triển năng lực:**  Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán, tư duy lôgic  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề. | | |
| HS báo cáo kết quả nhiệm vụ giao về nhà.  - GV: ta thấy số 1 và số 2 vừa là ước của 4 vừa là ước của 6, ta nói 1; 2 là ước chung của 4 và 6, vậy thế nào là ước chung của hai số tự nhiên, ta vào bài hôm nay  - GV: ghi bài | HS báo cáo nhiệm vụ giao về nhà những Việc đã làm và những Việc chưa làm được. |  |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu Ước chung (15’)**  **Mục tiêu:**  - HS nắm được khái niệm ước chung  - HS biết cách tìm ước chung của hai hay nhiều số  **Phát triển năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán...  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp | | |
| - GV: lấy lại bài tập kiểm tra làm ví dụ, yêu cầu HS tìm Ư(8)  - GV: giới thiệu ước chung của 4; 6  - GV: Từ ví dụ trên, em hãy cho biết ước chung của hai hay nhiều số là gì?  - GV: Giới thiệu kí hiệu tập hợp các ước chung của 4 và 6 là ƯC(4,6). viết ƯC(4,6) = {1; 2}  - GV: Lên viết tập hợp các ước chung của 4; 6 và 8?  - GV: Nhận xét 1 và 2 có quan hệ gì với 4 và 6?.  - GV: Vậy xƯC(a,b) khi nào?  - GV: Tương tự xƯC(a,b,c) nếu ax; bx; cx.  ♦ **Củng cố:** Làm ?1. | - HS: theo dõi GV giảng  Ư(8) = {1; 2; 4; 8}  - HS: Đọc định nghĩa SGK.51.  - HS: ƯC(4,6,8) = {1; 2}  - HS: 4 và 6 đều chia hết cho 1 và 2. Hoặc đều là ước của 4 và 6.  - HS: Khi a  x và b  x.  - HS: làm ?1 | **1. Ước chung**  \* Ví dụ:  Ư(4) = {1; 2; 4}  Ư(6) = {1; 2; 3; 6}  Ư(8) = {1; 2; 4; 8}  \* Định nghĩa: SGK. 51  Ký hiệu:  ƯC(4,6) = {1; 2}  xƯC(a,b) nếu ax và bx.  xƯC(a,b,c) nếu ax; bx; cx.  \* ?1 |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu Ước chung lớn nhất (15’)**  **Mục tiêu:**  - HS nắm được khái niệm ước chung lớn nhất  **Phát triển năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán...  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp... | | |
| Yêu cầu Hs quan sát tập hợp  ƯC(12; 30)  ? Tìm số lớn nhất trong tập hợp  ƯC(12; 30) ?  GV: Thông báo 6 là ƯCLN của 12 và 30.  ? Ước chung lớn nhất của hai hay nhiều số là gì?  GV: Nhận xét và thông báo đó chính là định nghĩa.  GV: Nêu kí hiệu  ? Quan sát tập ƯC(12; 30)  Và ƯCLN(12; 30) có nhận xét gì các số thuộc ƯC; ƯCLN  GV: Nhận xét và chốt lại và đưa ra nhận xét.  ? Tìm ƯCLN(4;1) ; ƯCLN(9;1)  ƯCLN(12;30;1)  ? Từ VD trên có nhận xét gì?  Hãy giải thích ?  ? ƯCLN(a;1)=?;  ƯCLN(a;b;1)= ?  GV: NX, chốt lại và đưa ra chú ý. | ƯC(12; 30) là 6  - Là số lớn nhất trong tập hợp ƯC  Hs: Đọc ĐN  ƯC(12; 30) đều là ước của ước chung lớn nhất.  - Hs nêu kết quả  ƯCLN(4;1) = 1  ƯCLN(9;1) = 1  ƯCLN(12;30; 1) = 1  Hs đọc chú ý | **2. Ước chung lớn nhất**  VD:  ƯC(12; 30) = {1;2;3;6}  6 là ƯC lớn nhất của 12 và 30  **\* Định nghĩa**: (SGK-54)  Kí hiệu :ƯCLN  ƯCLN(12; 30) = 6  **\* Nhận xét**:(SGK-54)  Tất cả các ước chung của 12 và 30 (là 1, 2, 3, 6) đều là ước của ƯCLN(12,30).  **\*Chú ý** :SGK - T55  ƯCLN(a; 1) = 1  ƯCLN(a; b; 1) = 1 |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu Chú ý (7’)**  **Mục tiêu:**  -HS nắm được khái niệm giao của hai tập hợp  -HS biết cách tìm tập hợp giao, biết cách kí hiệu của giao của 2 tập hợp.  **Phát triển năng lực:**  năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán...  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp... | | |
| - GV: Hãy quan sát ba tập hợp đã viết Ư(4); Ư(6); Ưc(4,6). Tập hợp ƯC(4,6) tạo thành bởi các phần tử nào của các tập hợp Ư(4) và Ư(6)?  - GV: Giới thiệu tập hợp ƯC(4,6) là giao của hai tập Ư(4) và Ư(6).  - Vẽ hình minh họa: như SGK.  - Giới thiệu kí hiệu ∩.  viết: Ư(4) ∩ Ư(6) = ƯC(4,6). | - HS: theo dõi GV giảng | **3. Chú ý**  \* Giao của 2 tập hợp là một tập hợp gồm các phần tử chung của 2 tập hợp đó.  \* Ký hiệu:  Giao của 2 tập hợp A và B là: A ∩ B  \* Ví dụ 1:  A = {a , b}  B = {a , b , c , d}  A ∩ B = {a , b}  \* Ví dụ 2:  X = {1}  Y = {2 , 3}  X ∩ Y = |
| **Hoạt động 4. Tìm tòi, mở rộng (7’)** | | |
| **- Củng cố:**  + GV: yêu cầu HS làm bài tập 134a-d SGK. 53  + HS lên bảng làm bài.  + GV nhận xét giờ học.  **- Giao nhiệm vụ về nhà:**  + Nắm vững lý thuyết  + Làm bài tập 135, 136 SGK.  + Chuẩn bị bài tập cho tiết “**Luyện tập”** | - HS theo dõi và ghi chép vào vở |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày soạn:......../........./...........**  **Ngày dạy: ......../........./...........** | **Tiết 30. CÁCH TÌM ƯỚC CHUNG –**  **ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT** |

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**Giúp học sinh:**

**1. Kiến thức**:

- HS biết tìm ước chung của hai hay nhiều số bằng cách liệt kê các ước rồi tìm các phần tử chung của hai tập hợp.

- HS biết tìm ước chung lớn nhất của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số đó ra thừa số nguyên tố, từ đó biết cách tìm các ước chung của hai hay nhiều số.

**2. Kĩ năng**: HS biết cách tìm ước chung, ước chung lớn nhất của hai hay nhiều số. Rèn kĩ năng tìm ước chung, ước chung lớn nhất trong các bài toán thực tế đơn giản.

**3. Thái độ**: Rèn luyện HS tính cẩn thận, chính xác khi làm bài tập.

**4. Định hướng năng lực được hình thành:**

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán, tư duy logic.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**

**1. Giáo viên**: nghiên cứu chương trình SGK, tài liệu tham khảo.

**2. Học sinh**: SGK, Vở ghi, ĐDHT, nghiên cứu **§**17 SGK, ôn các các kiến thức về ước chung và ước chung lớn nhất

**III. PHƯƠNG PHÁP TRỌNG TÂM**

Phương pháp đàm thoại, đối thoại, vấn đáp, thuyết minh, Hoạt động nhóm.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

**1. Tổ chức và ổn định lớp**

**2. Các hoạt động dạy và học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Khởi động (4’)**  **Mục tiêu:**  - HS nêu được thế nào là ƯC, ƯCLN của hai hay nhiều số.  - Biết cách tìm ước của một số.  **Phát triển năng lực:**  Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán, tư duy lôgic  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề. | | |
| HS báo cáo kết quả nhiệm vụ giao về nhà.  - GV: Thế nào là ƯC, ƯCLN của hai hay nhiều số?  - GV: ghi bài | HS báo cáo nhiệm vụ giao về nhà những Việc đã làm và những Việc chưa làm được. |  |
| **Hoạt động 2: Cách tìm ƯCLN bằng cách phân tích ra các thừa số nguyên tố (15’)**  **Mục tiêu:**  - HS biết cách tìm ƯCLN bằng cách phân tích ra các thừa số nguyên tố.  **Phát triển năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán...  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp | | |
| - GV nêu ví dụ :  Tìm ƯCLN (36; 84; 168)  ? Phân tích các số ra thừa số nguyên tố ?  ? Số 2 có là ước chung của ba số trên không?  ? Số 3 có là ước chung của ba số trên không?  ? Số 7 có là ước chung của ba số trên không?  ? Tích 2 . 3 có là ước chung của 3 số trên không ?  ? Để có ƯCLN ta chọn thừa số 2 với số mũ nào ? thừa số 3 với số mũ nào ?  ? ƯCLN( 36; 84; 168) = ?  ? Từ VD trên hãy nêu cách tìm ƯCLN  GV: NX, thông báo đó chính là qui tắc tìm ƯCLN...  - Làm ?1 SGK theo nhóm vào bảng phụ  - Cử đại diện nhóm trình bày bài  ? NX bài chéo giữa các nhóm.  Làm ?2 theo cá nhân, từ đó lưu ý cách tìm ước chung trong các trường hợp đặc biệt.  ? Hs nhận xét  - Giới thiệu về hai số ng.tố cùng nhau, ba số ng.tố cùng nhau. | 3 HS lên bảng phân tích  Có  Có  Không (chỉ xuất hiện khi phân tích số 84 và 168)  Có, vì 2 và 3 là thừa số nguyên tố chung của 3 số  22 . 3  ƯCLN(36;84;168)= 22. 3  HS nêu cách tìm:  - PT các số ra thừa số ng.tố  - Lấy tích thừa số ng.tố chung với số mũ nhỏ nhất  - Hs đọc qui tắc  - Hs hoạt động nhóm  - Hs trình bày  - Hs nhận xét  - 3 hs lên bảng  - Hs nhận xét  - Hs đọc chú ý | **1. Tìm ƯCLN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố**  VD: Tìm ƯCLN(36; 84; 168)  36 = 22 . 32  84 = 22 . 3 . 7  168 = 23 . 3 . 7  ƯCLN( 36; 84; 168) = 22 . 3  **\* Qui tắc**: (SGK - 55)  - Bước 1: P.tích mỗi số ra thừa số ng.tố.  - Bước 2: Chọn ra các thừa số ng.tố chung.  - Bước 3: Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với số mũ nhỏ nhất. Tích đó là ƯCLN phải tìm.  ?1. Tìm ƯCLN(12;30)  12 = 22.3  30 = 2.3.5  ƯCLN(12,30) = 2.3 = 6  ?2. Tìm ƯCLN  ƯCLN(8,9)=1  ƯCLN(8,9,15)=1  ƯCLN(24,16,8)=8  **\* Chú ý**: (SGK - 55) |
| **Hoạt động 3: Cách tìm ước chung thông qua tìm ƯCLN (16’)**  **Mục tiêu:**  - HS nắm được cách tìm ước chung bằng cách liệt kê các ước và thông qua tìm ƯCLN  **Phát triển năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán...  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp... | | |
| - GV đặt vấn đề: Có cách nào tìm ước chung của hai hay nhiều số mà không cần liệt kê các ước của mỗi số hay không?  ? Tìm ƯCLN (12; 30)  từ đó tìm ƯC (12; 30)  GV: Nhận xét, bổ sung  ? Để tìm ƯC(12; 30) khi biết ƯCLN của nó ta làm thế nào?  GV: nhận xét và thông báo đó chính là qui tắc tìm ƯC thông qua ƯCLN  GV: Chốt lại  GV yêu cầu HS làm ví dụ sau :  Tìm số tự nhiên a, biết 56 ⁝ a và 140 ⁝ a.  ? Theo đề bài, a là gì ?  - HS lên bảng tìm a bằng cách tìm ƯC thông qua ƯCLN.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung. | - HS lắng nghe  - 1 hs lên bảng thực hiện.  - Hs còn lại làm nháp  - Tìm ước của ƯCLN  - HS đọc qui tắc  a là ƯC của 56 và 140  1 HS lên bảng làm bài.  HS nhận xét, bổ sung. | **2. Cách tìm ƯC thông qua ƯCLN**  VD: Tìm ƯC (12; 30)  Tìm ƯCLN (12; 30) = 6  Ư(6) = { 1; 2; 3; 6} ƯC(12; 30) ={1;2;3; 6}  **\* Qui tắc**: SGK - T55  Ví dụ : Tìm số tự nhiên a, biết 56 ⁝ a và 140 ⁝ a.  a là ƯC của 56 và 140  ƯCLN (56; 140) = 22.7 = 28  a  ƯC (56 ; 140) = {1;2;4;7;14;28} |
| **Hoạt động 4: Tìm tòi, mở rộng (10’)**  **Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại cách tìm ƯCLN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố; tìm ƯC thông qua tìm ƯCLN.  **Phương pháp dạy học:** Gợi mở vấn đáp, thuyết minh, đàm thoại.  **Định hướng phát triển năng lực:**  Năng lực tư duy, năng lực nhận thức, năng lực khái quát hóa. | | |
| **\* Củng cố:**  - GV: Nhắc lại qui tắc tìm ƯCLN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố; tìm ƯC thông qua tìm ƯCLN.  - GV yêu cầu HS làm bài 142a SGK/56  HS lên bảng làm bài.  GV nhận xét, bổ sung.  **\* Hướng dẫn về nhà:**  - Học thuộc quy tắc.  - Làm bài 139 – 141 SGK/56.  - Chuẩn bị bài tập cho tiết sau. | - HS nhắc lại dựa theo kiến thức vừa học.  - HS làm bài. | **Bài 142a SGK/56**  16 = 24  24 = 23.3  ƯCLN (16;24) = 23 = 8  ƯC (16; 24) = {1; 2; 4; 8} |

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày soạn:......../........./...........**  **Ngày dạy: ......../........./...........** | **Tiết 31. LUYỆN TẬP** |

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**Giúp học sinh:**

**1. Kiến thức**: Khắc sâu kiến thức ước chung, ước chung lớn nhất thông qua hoạt động giải bài tập.

**2. Kĩ năng**: Rèn kĩ năng tìm ƯC; ƯCLN, kĩ năng phân tích một số thừa số nguyên tố

**3. Thái độ:** Rèn luyện ý thức tự học, tự làm bài, có thái độ học tập đúng đắn.

**4. Định hướng năng lực được hình thành:**

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán, tư duy logic.

**II.CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**

**1. Giáo viên**: Chuẩn bị hệ thống bài tập luyện tập.

Phấn màu, bảng phụ, bút dạ.

**2. Học sinh**: SGK, Vở ghi, đồ dùng học tập, chuẩn bị bài tập luyện tập, ôn tập kiến thức về ước, bội, ƯC, về tìm giao của hai tập hợp.

**III. PHƯƠNG PHÁP TRỌNG TÂM**

Phương pháp đàm thoại, đối thoại, vấn đáp, thuyết minh, Hoạt độngnhóm.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

**1. Tổ chức và ổn định lớp**: Điểm danh (2 phút)

**2. Các hoạt động dạy và học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Khởi động (7’)**  **Mục tiêu:**  - HS hiểu khái niệm ước chung, khái niệm giao của hai tập hợp  - HS biết cách tìm ước chung, bội chung, tập hợp giao, biết cách kí hiệu của giao của 2 tập hợp.  **Phát triển năng lực:**  năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán, ...  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp, ... | | |
| - GV: nêu yêu cầu kiểm tra  + Thế nào là ƯC(a,b)?  Tìm ƯC(5 ; 9)  + Cho A = {1 ; 2 ; 5 ; 7} và B = {4 ; 6 ; 8}. Tìm AB  - GV: gọi HS nhận xét, bổ sung  - GV: nhận xét, cho điểm | - 3 HS lên bảng thực hiện trả lời  - HS: nhận xét bổ sung |  |
| **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Mục tiêu:**  -HS hiểu khái niệm ước chung, bội chung, khái niệm giao của hai tập hợp  -HS biết cách tìm ước chung, bội chung, tập hợp giao, biết cách kí hiệu của giao của 2 tập hợp.  **Phát triển năng lực:**  năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán, hợp tác nhóm...  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp, hợp tác nhóm...  **Thời gian:** 7 phút | | |
| - GV: tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện giải các bài tập  **Bài 137 SGK/53**  - GV: Cho HS thảo luận nhóm  - Gọi đại diện nhóm lên bảng trình bày.  - Câu c và d: Yêu cầu HS:  + Lên viết tập hợp A và B?  + Tìm các phần tử chung của A và B?  + Tìm giao của 2 tập hợp A, B?  - GV: Cho thêm câu e. Tìm giao của 2 tập hợp N và N\*  **Bài 138 SGK/54**  **-** GV treo bảng phụ đề bài  **-** Yêu cầu HS đọc và tìm hiểu đề  - Đề bài yêu cầu chia đều số vở và bút ở mỗi phần thưởng, vậy số bút và số vở có quan hệ thế nào với số phần thưởng?  - GV yêu cầu HS làm bài  **Bài 173 SBT/27:**  - GV: Cho HS thảo luận nhóm và viết vào bảng phụ kết quả.  - Đại diện nhóm trình bày.  - GV nhận xét.  **Bài 171 SBT/28:**  - GV: Cho HS đọc đề bài.  - GV gợi ý hướng làm của bài | - HS thảo luận nhóm.  - HS: nhận xét  **Bài 138 SGK/54**  - HS đọc và tìm hiểu đề  - Số phần thưởng là ước chung của số bút và số phần thưởng.  - 1 HS lên bảng điền vào bảng phụ.  - HS thảo luận nhóm.  - HS: cử đại diện lên trình bày  - HS đọc và tìm hiểu đề.  - HS theo dõi và ghi chép. | **Bài 137 SGK.53**  a. A ∩ B = {cam, chanh}  b. A ∩ B là tập hợp các HS vừa giỏi văn vừa giỏi toán của lớp.  c. A ∩ B = B  d. A ∩ B =  e. N ∩ N\* = N\*  **Bài 138 SGK/54**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Cách chia | Số phần thưởng | Số bút ở mỗi phần thưởng | Số vở ở mỗi phần thưởng | | a | 4 | 6 | 8 | | b | 6 | 4 | Không thực hiện được | | c | 8 | 3 | 4 |   **Bài 173 SBT/27**  X là tập hợp các HSG Văn của lớp 6A  Y là tập hợp các HSG Toán của lớp 6A  X ∩ Y biểu thị tập hợp các HSG cả Văn và Toán của lớp 6A  **Bài 171 SBT/28**  Gọi d là ước chung của n + 3 và 2n + 5.  Ta có: n + 3 ⁝ d và 2n + 5 ⁝ d  Suy ra (2n + 6) – (2n + 5) ⁝ d  1 ⁝ d  Vậy d = 1. |

**V. Tìm tòi, mở rộng.**

**- Giao nhiệm vụ về nhà:** (02 phút)****

- Xem lại các bài tập đã giải.; Làm bài tập 172; 175; 16.4 SBT/27-28.

- Xem lại các qui tắc tìm ƯC, ƯCLN.

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày soạn:......../........./...........**  **Ngày dạy: ......../........./...........** | **Tiết 32. LUYỆN TẬP (TIẾP)** |

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**: Khắc sâu kiến thức ước chung, ước chung lớn nhất thông qua hoạt động giải bài tập.

**2. Kĩ năng**: Rèn kĩ năng tìm ƯC; ƯCLN, kĩ năng phân tích một số thừa số nguyên tố

**3. Thái độ:** Rèn luyện ý thức tự học, tự làm bài, có thái độ học tập đúng đắn.

**4. Định hướng năng lực được hình thành:**

-Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán, tư duy logic.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**

**1. Giáo viên**: Chuẩn bị hệ thống bài tập luyện tập.

Phấn màu, bảng phụ, bút dạ.

**2. Học sinh**: SGK, Vở ghi, đồ dùng học tập, chuẩn bị bài tập luyện tập, ôn tập kiến thức về ƯC, ƯCLN, phân tích một số ra thừa số nguyên tố

**III. PHƯƠNG PHÁP TRỌNG TÂM**

Phương pháp đàm thoại, đối thoại, vấn đáp, thuyết minh, Hoạt độngnhóm.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Các hoạt động dạy và học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Khởi động (5’)**  **Mục tiêu:**HS biết cách tìm ƯCLN của 2 hay nhiều số. Rèn kĩ năng phân tích một số ra thừa số nguyên tố.  **Phát triển năng lực:**  năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán, ...  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp, ... | | |
| - GV: nêu yêu cầu kiểm tra  + Thế nào là ƯCLN của hai hay nhiều số? nêu cách tìm ƯCLN.  + Áp dụng tìm ƯCLN(50,36)  + Chữa bài tập 139 SGK. 56  - GV: gọi HS nhận xét, bổ sung  - GV: nhận xét, cho điểm  - GV: chúng ta cùng nhau luyện tập tìm ƯCLN của hai hay nhiều số | - 3 HS lên bảng thực hiện trả lời  - HS: nhận xét bổ sung |  |
| **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Mục tiêu:**  HS tìm được ƯCLN của 2 hay nhiều số và biết tìm ước chung thông qua tìm ƯCLN  **Phát triển năng lực:**  năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực hợp tác nhóm ...  **Phương pháp**: thuyết trình, vấn đáp, hợp tác nhóm .. | | |
| - GV: tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện giải các bài tập  **Bài 142 SGK/56**  - GV: Cho HS thảo luận nhóm. Gọi đại diện nhóm lên trình bày  - GV: Cho cả lớp nhận xét. Đánh giá, ghi điểm..  **Bài 143 SGK.56**  - GV: Theo đề bài. Hỏi:  420  a ; 700  a và a lớn nhất. Vậy: a là gì của 420 và 700?  - GV: Cho HS thảo luận nhóm và gọi đại diện nhóm lên bảng trình bày.  **Bài 144 SGK/56**  - GV: Cho HS đọc và phân tích đề.  ? Theo đề bài, ta phải thực hiện các bước như thế nào?  - GV: Gọi HS lên bảng trình bày  **Bài 145 SGK/56**  - GV: Treo bảng phụ và yêu cầu HS:  - Đọc đề bài  - Thảo luận nhóm.  - GV: Theo đề bài, độ dài lớn nhất của cạnh hình vuông là gì của chiều dài (105cm) và chiều rộng (75cm) ?  - GV: Gọi đại diện nhóm lên trình bày.  - GV: Nhận xét, ghi điểm. | - HS thảo luận nhóm.  - HS: Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS: cử đại diện lên trình bày  - HS: đánh giá  - HS: a là ƯCLN của 420 và 700  - HS: Thực hiện theo yêu cầu của GV  - HS: + Tìm ƯC của 144 và 192  + Sau đó tìm các ước chung lớn hơn 20 trong tập ƯC vừa tìm của 144 và 192.  - HS: Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS: Thực hiện yêu cầu của GV.  - HS: Độ dài lớn nhất của của cạnh hình vuông là ƯCLN của 105 và 75.  - HS: Lên bảng thực hiện | **1. Bài 142 SGK.56**  Tìm ƯCLN rồi tìm ƯC của:  a. 16 và 24  16 = 24  24 = 23 . 3  ƯCLN(16, 24) = 23 = 8  ƯC(16, 24) = {1; 2; 4; 8}  b. 180 và 234  180 = 23 . 32 .5  234 = 2 . 32 . 13  ƯCLN(180,234)= 2.32= 18  ƯC(180,234) = {1; 2; 3; 6; 9; 18}  **2. Bài 143 SGK.56**  Vì: 420  a; 700  a  Và a lớn nhất  Nên: a = ƯCLN(400, 700)  420 = 22. 3 . 5 . 7  700 = 22 . 52 . 7  ƯCLN(400; 700) = 22.5. 7  Vậy: a = 140  **3. Bài 144 SGK.56**  144 = 24 . 32  192 = 26 . 3  ƯCLN(144; 1192) = 24 . 3 = 48  ƯC(144, 192) = {1; 2; 3}  Vì: Các ước chung của 144 và 192 lớn hơn 20. Nên:  Các ước chung cần tìm là: 24; 48  **4. Bài 145 SGK.56**  Độ dài lớn nhất của cạnh hình vuông là ƯCLN của 105 và 75  105 = 3.5.7  75 = 3 . 52  ƯCLN(100,75) = 3. 5 = 15  Vậy: Độ dài lớn nhất của cạnh hình vuông là: 15cm |

**Hoạt động 3. Tìm tòi, mở rộng**

- Xem lại các bài tập đã giải.; Làm bài tập 146 -> 148 SGK.57.

- Chuẩn bị tiết sau: **“Bội chung và bội chung nhỏ nhất”.**